

TRƯỜNG THCS GIỒNG ÔNG TỐ

NỘI DUNG GHI BÀI MÔN ĐỊA LỚP 6,7,8,9

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 6

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 4 /HK2 (2020-2021).

Bài 18: THỜI TIẾT, KHÍ HẬU VÀ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ

1. Thời tiết và khí hậu

- Thời tiết là tất cả mọi hiện tượng khí tượng (nắng, mưa, gió...) xảy ra trong một thời gian ngắn, ở một địa phương.
- Khí hậu của một nơi, là sự lặp đi lặp lại tình hình thời tiết nơi đó, trong một thời gian dài, từ năm này qua năm khác và đã trở thành quy luật.

2. Nhiệt độ không khí và cách đo nhiệt độ không khí

- Nhiệt độ không khí là độ nóng, lạnh của không khí.
- Công thức tính nhiệt độ trung bình ngày, tháng, năm: sgk

3. Sự thay đổi của không khí

- a. Vị trí gần hay xa biển:** Nhiệt độ không khí ở những miền nằm gần biển và những miền nằm sâu trong lục địa có sự khác nhau.
 - b. Độ cao:** Trong tầng đối lưu, càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm.
 - c. Vĩ độ địa lí:** Không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao.
-

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 7

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 4 /HK2 (2020-2021).

BÀI 42: THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MĨ (TT)

2. Sự phân hóa tự nhiên

a. Khí hậu:

- Do lãnh thổ trải dài theo hướng kinh tuyến từ vùng chí tuyến Bắc đến gần vòng cực Nam, lại có hệ thống núi cao đồ sộ ở phía tây nên Trung và Nam Mỹ có gần đầy đủ các kiểu khí hậu trên Trái Đất, Trong đó khí hậu xích đạo và cận xích đạo chiếm diện tích lớn.

- Khí hậu vừa phân hoá theo chiều B- N, vừa theo chiều Đ -T, lại có sự phân hóa từ thấp lên cao.

b. Các đặc điểm khác của môi trường:

* Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phong phú, đa dạng: thay đổi từ Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao, từ tây sang đông. Có các kiểu môi trường:

- Rừng XĐ xanh quanh năm
- Rừng rậm nhiệt đới
- Rừng thưa – Xavan
- Thảo nguyên Pampa
- Hoang mạc , bán hoang mạc

* Thiên nhiên vùng núi Andét thay đổi từ B → N, từ chân → đỉnh núi.

BÀI 43: DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MỸ.

1. Sơ lược lịch sử (xem sgk trang 131).

2. Dân cư:

- Dân cư chủ yếu là người lai, do sự hợp huyết giữa người Âu với người Phi và người Anhđiêng bản địa đã tạo nên nền văn hóa Mỹ Latinh độc đáo.
- Phân bố dân cư không đều:
 - + Dân cư tập trung ở vùng ven biển, cửa sông hoặc trên các cao nguyên có khí hậu khô ráo, mát mẻ.
 - + Dân cư thưa thớt vùng sâu trong nội địa.

3. Đô thị hóa:

- Tốc độ đô thị hoá nhanh nhất thế giới.
 - Tỷ lệ dân đô thị cao chiếm 75% dân số.
 - Các đô thị lớn: Xaopaulô, Riôđêgianêrô, Buênôt Airt...
 - Quá trình đô thị hoá diễn ra với tốc độ nhanh khi kinh tế còn chậm phát triển dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực nghiêm trọng.
-

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 8

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 4 /HK2 (2020-2021).

PHẦN 2: ĐỊA LÝ VIỆT NAM

BÀI 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM.

1. Vị trí và giới hạn, phạm vi lãnh thổ:

a. Phần đất liền :

- Diện tích 331.212 Km²
- Bảng 23.2/SGK/84

b. Phần biển :

- Biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km² với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

c. Đặc điểm của vị trí địa lí Việt Nam về mặt tự nhiên :

- + Vị trí nội chí tuyến.

- + Vị trí gần trung tâm khu vực ĐNÁ.
 - + Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước ĐNÁ đất liền và hải đảo.
 - + Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật di cư.
- Vị trí, hình dạng, kích thước của lãnh thổ có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành các đặc điểm tự nhiên độc đáo ở nước ta.

2. Đặc điểm lãnh thổ:

- Phần đất liền kéo dài theo chiều Bắc – Nam dài 1650 km qua 15 độ vĩ tuyến.
- Bờ biển uốn cong hình chữ S dài 3260 km².
- Lãnh thổ mở rộng là nguồn lực cơ bản giúp chúng ta phát triển toàn diện nền kinh tế - xã hội.

Dặn dò:

Làm bài tập 3 sgk/86.

BÀI 24: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam.

- Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông mang tính chất nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á:
- + Vị trí từ xích đạo đến chí tuyến.
- + Chịu ảnh hưởng của gió mùa ĐB và gió mùa TN.
- + Nhiệt độ trung bình năm của nước biển tầng trên mặt là trên 23⁰C. Biển nóng quanh năm.
- Chế độ thủy triều phức tạp và độc đáo (tạp triều và nhật triều).
- Độ muối bình quân là 30 – 33 ‰

2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam.

- Vùng biển Việt Nam rất giàu và đẹp, nguồn lợi thật phong phú và đa dạng, có giá trị to lớn về kinh tế, khoa học và quốc phòng...
- Cần phải có kế hoạch khai thác và bảo vệ biển tốt góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Học sinh làm bài tập 2 sgk/91.

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9

NỘI DUNG BÀI HỌC TUẦN 4 /HK2 (2020-2021).

Bài 34: Đọc SGK.

Bài 35: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

I/ Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ:

- ĐBSCL có vị trí rất thuận lợi để phát triển kinh tế trên đất liền, trên biển, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong tiểu vùng sông Mê Công.

II/ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:

- Địa hình thấp, bằng phẳng, rộng.
- Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm, nguồn nước dồi dào.
- Sinh vật trên cạn, dưới nước rất phong phú, đa dạng.
- Đất có 3 loại chính giá trị kinh tế lớn:
 - + Đất phù sa ngọt : 1,2 triệu ha.
 - + Đất phèn, đất mặn: 2,5 triệu ha.
- Tài nguyên thiên nhiên có nhiều thế mạnh để phát triển nông nghiệp.
- Sông Mê Công mang lại phù sa lớn, nhiều thủy sản, giúp phát triển giao thông đường thủy.

III/ Đặc điểm dân cư, xã hội:

- Là vùng đông dân đứng sau ĐBS Hồng.
- Dân tộc: Có người Kinh, Khơ-me, Chăm và người Hoa.
- Người dân thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hóa, với lũ hàng năm. Mặt bằng dân trí chưa cao.

Học sinh làm bài tập 1 sgk/128.